

**Phụ lục**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024**  
*(Kèm theo Báo cáo số 23/BC-BCĐ ngày 15/01/2025 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh An Giang)*

**1. Mục tiêu theo Kế hoạch triển khai nhiệm vụ về Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2024:**

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Phát triển Chính quyền số</b>						
1.1	Dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến toàn trình	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	100%	Đạt	
1.2	Thông tin người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến	50%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	100% (đối với người dân có tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh)	Đạt	
1.3	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	40%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	100% (Kiểm tra, công bố thông tin, tình hình gửi nhận văn bản điện tử điện tử trên hệ thống quản lý văn bản, điều hành tỉnh; tình hình tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải	Đạt	

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
					quyết TTHC tỉnh; công bố, công khai công chức giải quyết hồ sơ TTHC chậm, trễ hạn)		
1.4	Chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (LRIS); đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	70%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	100%	Đạt	
1.5	Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử	100%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	100%	Đạt	

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
1.6	Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng báo cáo công việc.	90%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	42,11% (2.723/6.466)	Chưa đạt	- Số lượng học viên tham gia khóa học bồi dưỡng chuyển đổi số trên nền tảng MOOC: 1.474 học viên. - Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc điều chỉnh chỉ tiêu các lớp bồi dưỡng lĩnh vực thông tin và truyền thông tại Kế hoạch số

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							1197/KH-UBND ngày 14/12/2023 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh năm 2024: 1.256 học viên
1.7	Cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	90%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	95,74% (180/188 <sup>1</sup> cơ quan)	Đạt	
1.8	Người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số tỉnh An Giang cung cấp; Nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần tạo sự đồng thuận cao nhất trong nhân dân	70%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính là 97,14%. - Tỷ lệ hài lòng trong phản ánh, kiến nghị là 98%	Đạt	Số liệu ghi nhận từ kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên

<sup>1</sup> 188 cơ quan gồm: 21 sở, ngành tỉnh; 11 UBND cấp huyện; 156 UBND cấp xã.

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							Cổng dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-mucdohailoing.html">https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-mucdohailoing.html</a> )
1.9	Người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương	30%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	100% (đối với người dân có tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh)	Đạt	
1.10	Hồ sơ giải quyết trực tuyến	50%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	88,18% (605.172/686.283)	Đạt	
1.11	Dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	50%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Chưa thực hiện	Chưa đánh giá	- Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp đơn vị có

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							liên quan thực hiện hoàn thành kết Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để <b>phục vụ tra cứu trạng thái xử lý hồ sơ thủ tục hành chính</b> về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (theo tài liệu hướng dẫn tại Công văn số

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							<p>448/BKHD T-ĐKKD ngày 16/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).</p> <p>- Hiện tại, việc kết nối chỉ phục vụ việc tra cứu trạng thái xử lý hồ sơ thủ tục hành chính, chưa có hướng dẫn về việc tích hợp dữ liệu Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp với dịch vụ công trực tuyến để sử dụng.</p>

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
1.12	Hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	- Cấp tỉnh: 90%. - Cấp huyện: 80%. - Cấp xã: 65%.	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	96% 92% 89%	Đạt	
1.13	Cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử	90%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Ước đạt 90%	Ước đạt	- Tại Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của tỉnh An Giang đã đặt chỉ tiêu "Tỷ lệ cơ quan nhà nước các



STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							<p><i>cấp hoàn thiện chính quyền điện tử đạt 75%”. Tuy nhiên, để hoàn thành mục tiêu đến năm 2025 tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử đạt 90% theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ XI thì trong Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An</i></p>

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							<p>Giang năm 2024 đã đạt mục tiêu tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử đạt 90%.</p> <p>- Trên cơ sở kết quả đánh giá lần 01 của Sở Thông tin và Truyền thông vào tháng 11/2024 thì ước đạt 80% cơ quan hoàn thiện chính quyền điện tử. Hiện tại, Sở Thông tin và Truyền thông đang</p>

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							thực hiện đánh giá lần 2 ước đạt 90% cơ quan hoàn thiện chính quyền điện tử.
1.14	Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử	Tối thiểu 80% trở lên	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	85,42%	Đạt	
1.15	Người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính (trước đó), mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được	80%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	12.105 hồ sơ (Tỷ lệ 1,50%)	Chưa đạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ, công chức chưa đảm bảo quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định.</li> <li>- Lưu trữ giấy tờ kết quả giải</li> </ul>

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
	Cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ						quyết thủ tục hành chính vào kho dữ liệu cho người dân để tái sử dụng chưa cao - Nhiều TTHC có phát sinh số lượng hồ sơ lớn, thường xuyên nhưng không thể tái sử dụng.
1.16	Hồ sơ được số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công	100%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 85,42% - Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử đạt 88%.	Chưa đạt	- Cán bộ, công chức chưa đảm bảo quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định. - Lưu trữ giấy tờ kết quả giải

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							quyết thủ tục hành chính vào kho dữ liệu cho người dân để tái sử dụng chưa cao
<b>2</b>	<b>Phát triển Kinh tế số</b>						
2.1	Phấn đấu kinh tế số	Đạt từ 8 - 9% GRDP	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Ước đạt 8 – 9%	Chưa đánh giá	Năm 2023: + Theo thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông là 7,18%. + Theo thống kê của Tổng Cục thống kê là 5,28%. - Tổng Cục thống kê chưa thực hiện đánh giá tỷ trọng kinh tế số

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							của các tỉnh/thành phố.
2.2	Phần đầu tỷ trọng kinh số trong từng ngành, lĩnh vực	9%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Chưa có số liệu	Chưa đánh giá	Hiện tại, chưa có văn bản hướng dẫn việc đánh giá tỷ trọng kinh số trong từng ngành, lĩnh vực từ bộ, ngành.
2.3	Sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) có mặt sàn thương mại điện tử	90%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Công thương; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	57,14% (104/182 sản phẩm)	Chưa đạt	
2.4	Dân số tham gia mua sắm trực tuyến	50%	Sở Công thương	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	94%	Đạt	Qua kết quả tham gia Cuộc thi trắc nghiệm trực tuyến “Thanh toán điện tử, thanh

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							toán không dùng tiền mặt” (từ ngày 01/6/2024 – 21/6/2024) thì có khoảng 94% người dân tham gia mua sắm trực tuyến
2.5	Người dân biết sử dụng điện thoại thông minh vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh	Trên 50%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI	67,14%	Đạt	- Số liệu được lấy theo “Tỷ lệ dân số sử dụng điện thoại thông minh” được Tổng Cục thống kê chia sẻ năm 2023. - Hiện tại, Tỉnh vẫn chưa có số liệu năm 2024.

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
2.6	Có ít nhất 04 doanh nghiệp công nghệ số, trong đó có ít nhất 02 doanh nghiệp công nghệ số phát triển sản phẩm, giải pháp, dịch vụ công nghệ thông tin		Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	118 doanh nghiệp công nghệ số	Đạt	
2.7	Doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	100%	Cục Thuế tỉnh An Giang	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	100%	Đạt	
2.8	Doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	40%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Ước đạt 84,32%	Ước đạt	Bộ Thông tin và Truyền thông đã thực hiện thẩm định số liệu DTI An Giang năm 2023 theo đó Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số trên địa bàn tỉnh là 84,32%



STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
2.9	Doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	70%	Sở Công thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Chưa có số liệu	Chưa đánh giá	Hiện tại, chưa có văn bản hướng dẫn việc đánh giá tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử từ bộ, ngành.
2.10	Năng suất lao động	Tăng 7%	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Chưa có số liệu	Chưa đánh giá	Hiện tại, chưa có văn bản hướng dẫn việc đánh giá tỷ lệ năng suất lao động từ bộ, ngành.
<b>3</b>	<b>Phát triển Xã hội số</b>						
3.1	Hộ gia đình có địa chỉ số	100%	UBND huyện, thị xã, thành phố	Bưu điện tỉnh An Giang; Sở Thông tin và Truyền thông	100%	Đạt	
3.2	Người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao	80%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND	Tỷ lệ người dân có kỹ năng công nghệ thông tin và truyền thông là 30,65%	Chưa đạt	- Số liệu Tổng Cục thống kê chia sẻ năm 2023.

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
	động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số			huyện, thị xã, thành phố			- Hiện tại, Tỉnh vẫn chưa có số liệu năm 2024.
3.3	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh		Sở Thông tin và Truyền thông	UBND huyện, thị xã, thành phố; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông - Internet trên địa bàn tỉnh	100% xã, phường thị trấn được phủ sóng 3G/4G	Đạt	
3.4	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	70%	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh An Giang	UBND huyện, thị xã, thành phố	180,2% (2.009.961/1.115.432)	Đạt	
3.5	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	85%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND huyện, thị xã, thành phố; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI	71,29%	Chưa đạt	- Số liệu Tổng Cục thống kê chia sẻ năm 2023 - Hiện tại, Tỉnh vẫn chưa có số liệu năm 2024.
3.6	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	80%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND huyện, thị xã, thành phố; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI;	83,17%	Đạt	

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
				Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông – Internet trên địa bàn tỉnh			

**2. Mục tiêu theo Quyết định số 60/QĐ-BCĐ ngày 05/6/2024 của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh An Giang về Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2024:**

STT	Nhiệm vụ	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH; KIỂM TRA, GIÁM SÁT</b>							
1	Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban chỉ đạo về chuyển đổi tỉnh. Yêu cầu có thời gian, nội dung, địa điểm kiểm tra, giám sát cụ thể	Tháng 06/2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh An Giang đã ban hành Kế hoạch số 71/KH-BCĐ ngày 16/7/2024 về kiểm tra tình hình thực hiện chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024	Đạt	
2	Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát	Các đoàn kiểm tra, giám sát	Theo Kế hoạch	Sở Thông tin và	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND	Từ ngày 19/9/2024 đến 09/10/2024, Đoàn kiểm tra đã thực hiện kiểm tra tình hình chuyển đổi số,	Đạt	

STT	Nhiệm vụ	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
	theo Kế hoạch đã được ban hành	được tổ chức thực hiện	được duyệt	Tuyên thông	huyện, thị xã, thành phố	bảo đảm an toàn thông tin mạng, thiết bị đầu cuối và công tác tra cứu dữ liệu công dân phục vụ giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đối với 11 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện, thị xã, thành phố, 12 UBND xã, phường, thị trấn, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang, Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo.		
<b>II</b>	<b>CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ</b>							
1	Thúc đẩy, kết nối, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ số tham gia vào quá trình chuyển đổi số tại khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu. Ưu tiên sử dụng giải pháp công nghệ số do các	60% doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu ứng dụng các nền tảng số trong quản trị, sản xuất để thay đổi quy trình	Tháng 12/2024	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Sở Thông tin và Tuyên thông	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	100% các doanh nghiệp được khảo sát và trao đổi điều kiện thực tế và sẵn sàng cập nhật, triển khai ứng dụng công nghệ số phục vụ quản trị, quy trình sản xuất và kinh doanh để thay đổi quy trình sản	Đạt	

STT	Nhiệm vụ	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
	doanh nghiệp Việt Nam phát triển	sản xuất, kinh doanh, tăng năng suất, hiệu quả hoạt động, giảm phát thải				xuất, tăng doanh thu và nâng cao hiệu quả hoạt động trong quản trị và kinh doanh		
<b>III</b>	<b>QUẢN TRỊ SỐ</b>							
1	Hoàn thành triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu (bao gồm 25 dịch vụ theo Quyết định số 06/QĐ-TTg và 28 dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Hoàn thành triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu	Năm 2024	Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Đã triển khai 11/25 dịch vụ công thiết yếu	Đạt	Đối với các dịch vụ công thiết yếu còn lại do Bộ, ngành chủ trì triển khai thực hiện. Địa phương chỉ triển khai thực hiện khi có văn bản hướng dẫn triển khai từ Bộ, ngành.
2	Cung cấp, tích hợp 28 nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông trên Cổng	Các nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông	Theo lộ trình tại Quyết định số	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND	Tỉnh đã thực hiện triển khai các nhóm dịch vụ công: Liên thông nhóm thủ tục cấp Giấy xác	Đạt	Đối với các dịch vụ công thiết yếu còn lại do Bộ,

STT	Nhiệm vụ	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
	Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ	đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp	206/QĐ-TTg	và Tuyên thông	huyện, thị xã, thành phố	nhận tình trạng hôn nhân và Đăng ký kết hôn; Thanh toán nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân; Thanh toán nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với doanh nghiệp.		ngành chủ trì triển khai thực hiện. Địa phương chỉ triển khai thực hiện khi có văn bản hướng dẫn triển khai từ Bộ, ngành.
3	Triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh bảo đảm kỹ thuật, kết nối với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ (Hệ thống EMC)	Kết nối toàn diện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ (Hệ thống EMC)	Tháng 10/2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố; Đơn vị cung cấp dịch vụ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã thực hiện kết nối toàn diện với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (Hệ thống EMC)	Đạt	

STT	Nhiệm vụ	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
					chính tỉnh			
4	Tổ chức triển khai Nền tảng giám định sinh vật gây hại cho cây trồng trên địa bàn tỉnh	Tổ chức triển khai Nền tảng giám định sinh vật gây hại cho cây trồng trên địa bàn tỉnh, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá chia sẻ kinh nghiệm để nhân rộng trên phạm vi toàn quốc	2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Hoàn thành thử nghiệm nền tảng giám định sinh vật gây hại trên cây trồng tại 04 Trạm khảo sát giám định sinh vật gây hại: 02 điểm trên cây lúa tại xã Núi Tô (Tri Tôn) và xã Thoại Giang (Thoại Sơn); 01 điểm trên cây sấu riêng tại xã Bình Chánh (Châu Phú); 01 điểm trên cây xoài xã Bình Phước Xuân (Chợ Mới).  Sở Thông tin và Truyền thông đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương lập Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Nền tảng giám định sinh vật gây hại cho	Đạt	

STT	Nhiệm vụ	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
						cây trồng trên địa bàn tỉnh” <sup>2</sup> .		
<b>IV</b>	<b>PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ</b>							
1	Xóa vùng lùm sóng di động trên địa bàn tỉnh	100% khu vực lùm sóng trên địa bàn tỉnh được phủ sóng băng rộng di động.	Tháng 11/2024	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông công ích; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông - Internet	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố;	Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% trung tâm xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% khóm, ấp, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ, tìm kiếm thông tin của người dân trong tỉnh	Đạt	
<b>VI</b>	<b>ĐẢM BẢO AN TOÀN, AN NINH THÔNG TIN</b>							
1	Triển khai, đưa vào sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ trên phạm vi toàn quốc	100% Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố sử dụng	Tháng 11/2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông đã triển khai, đưa vào sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho 100% Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện,	Đạt	

<sup>2</sup> Tờ trình số 146/TTr-STTTT ngày 15/11/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông



<b>STT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Kết quả</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>	<b>Đánh giá kết quả</b>	<b>Ghi chú</b>
						thị xã, thành phố sử dụng		

./.